

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LỨC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2024/DS-ST
Ngày: 08-4-2024
“Về việc tranh chấp thừa kế”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Miên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Sáu

2. Ông Dương Công Danh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Phước Long - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Quỳnh Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 117/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2023; về việc “*Tranh chấp thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1978;

HKTT: Số A đường P, Khu phố E, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

Địa chỉ cư trú: Số A Đ, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1984;

Địa chỉ cư trú: Số A đường P, Khu phố E, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Lam T, sinh năm 1982;

HKTT: Số A đường P, Khu phố E, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

Địa chỉ cư trú: Số A Đ, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Văn phòng C1;

Địa chỉ: Số A đường N, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Tấn T1 – Trưởng VPCC.

3. Bà Huỳnh Thị Thanh T2, sinh năm 1985;

4. Cháu Nguyễn Huỳnh Gia B, sinh năm 2012;

5. Cháu Nguyễn Huỳnh Gia P, sinh năm 2020.

Người đại diện hợp pháp của cháu B và cháu P: Ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1984 (cha) và bà Huỳnh Thị Thanh T2, sinh năm 1985 (mẹ);

Cùng địa chỉ: Số A đường P, Khu phố E, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

6. Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Huỳnh Thị Mộng T3 – Chủ tịch.

7. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thành Ú – Chủ tịch.

8. Ông Phan Công T4, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số H đường P, Khu phố E, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

(Bà V, bà T3, ông K có mặt, Văn phòng C1, bà T2, ông T4, Ủy ban nhân dân thị trấn B, Ủy ban nhân dân huyện B có yêu cầu vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2023, lời khai tại các Biên bản trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm V trình bày:

Cha bà là cụ Nguyễn Văn K1 (chết năm 2007), mẹ bà là cụ Nguyễn Thị Kim T5 (chết năm 2016). Cha mẹ bà có 03 người con gồm: Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Thị Lam T, Nguyễn Đăng K. Cụ K1 có cha là Nguyễn Văn N chết năm 1988, có mẹ là Nguyễn Thị B1 chết năm 2001; cụ T5 có cha là Nguyễn Văn C chết trước năm 1975, mẹ là Võ Thị B2 chết năm 1975. Ngoài ra, cụ K1 và cụ T5 không còn con ngoài giá thú hay con nuôi nào khác.

Di sản cha mẹ bà để lại là quyền sử dụng đất và căn nhà trên đất diện tích đo đạc thực tế là 101,8m² tại vị trí khu (A) theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính thuộc một phần thửa đất 111, tờ bản đồ số 15, loại đất ODT, tọa lạc tại khu phố E, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An. Nguồn gốc thửa đất này do cụ T5 nhận chuyển nhượng của ông Phan Công T4 từ năm 1990 và sử dụng ổn định từ đó đến nay nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay ông Nguyễn Đăng K đang trực tiếp quản lý, sử dụng.

Ngày 13/10/2014, cụ T5 lập di chúc được công chứng tại Văn phòng C1 có nội dung định đoạt toàn bộ tài sản là sau khi cụ qua đời thì nhà đất trên giao cho 3 người con mỗi người được hưởng một phần bằng nhau. Ngày 23/8/2016, cụ T5 mất, không để lại nghĩa vụ tài sản nào. Bà V và bà T có gặp ông K để bàn bạc và

yêu cầu thực hiện đúng theo nội dung di chúc của mẹ nhưng ông K không đồng ý phân chia nên phát sinh tranh chấp.

Tại đơn khởi kiện ngày 15/3/2023, bà V yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

- Yêu cầu công nhận diện tích đo đạc thực tế 101,8m² tại vị trí khu A theo mảnh trích đo địa chính thuộc thửa đất 111, tờ bản đồ số 15, loại đất ODT, tọa lạc tại khu phố E, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An là thuộc quyền sử dụng của Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Đăng K, Nguyễn Thị Lam T (là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị Kim T5 và cụ Nguyễn Văn K1).

- Yêu cầu phân chia thừa kế là quyền sử dụng đất và căn nhà trên diện tích đo đạc thực tế 101,8m² tại vị trí khu A theo mảnh trích đo địa chính thuộc thửa đất 111, tờ bản đồ số 15, loại đất ODT, tọa lạc tại khu phố E, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An theo Di chúc ngày 13/10/2014 của cụ Nguyễn Thị Kim T5. Cụ thể: Bà yêu cầu được hưởng 1/3 di sản và yêu cầu được nhận bằng hiện vật. Bà đồng ý thối hoàn giá trị chênh lệch cho ông K và bà T.

Tại phiên hoà giải ngày 07/3/2024, bà V thống nhất xác định sau khi cụ T5 chết thì ông K về ở và có tu bổ, sửa chữa nên thống nhất không yêu cầu phân chia thừa kế đối với công trình cụ T5 xây dựng trên đất, đồng ý cho ông K được hưởng toàn bộ giá trị căn nhà. Thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu phân chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất thửa 111, không yêu cầu phân chia đối với công trình xây dựng trên đất.

Bị đơn ông Nguyễn Đăng K trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà V về thời điểm chết, quan hệ nhân thân, hàng thừa kế thứ nhất của cụ K1 và cụ T5.

Phần đất 101,8m² tại vị trí khu A theo mảnh trích đo địa chính thuộc thửa đất 111, tờ bản đồ số 15, loại đất ODT, tọa lạc tại khu phố E, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An có nguồn gốc do mẹ là cụ Nguyễn Thị Kim T5 nhận chuyển nhượng của ông Phan Công T4 từ năm 1990, xây dựng nhà và sử dụng ổn định từ đó đến nay nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi mẹ chết thì vợ chồng ông về quản lý, sử dụng cho đến nay. Năm 2020, vợ chồng ông nâng nền, dán gạch men, đóng la phong, thay mái tôn và tô tường nên mới có hiện trạng nhà như hiện nay.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà V và bà T thì ông cũng đồng ý xác định diện tích đo đạc thực tế 101,8m² tại vị trí khu A theo mảnh trích đo địa chính thửa đất 111 là di sản thừa kế của cha mẹ. Hiện nay ông đang thờ cúng cha mẹ và kinh doanh buôn bán tại đây, ông không còn nơi nào để sống nên yêu cầu được nhận bằng tài sản và thối hoàn cho bà V và bà T mỗi người 500.000.000 đồng trong thời hạn 2 năm (chậm nhất là tháng 3/2026).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Nguyễn Thị Lam T trình bày:

Bà thống nhất về quan hệ nhân thân, hàng thừa kế thứ nhất, di sản thừa kế của cha mẹ là cụ K1 và cụ T5 như bà V trình bày.

Bà yêu cầu phân chia thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 101,8m² tại vị trí khu A theo mảnh trích đo địa chính thuộc thửa 111, tờ bản đồ số 15, loại đất ODT, tọa lạc tại khu phố E, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An theo Di chúc ngày 13/10/2014 của cụ Nguyễn Thị Kim T5. Cụ thể: yêu cầu được hưởng 1/3 giá trị di sản. Bà thống nhất ông K được hưởng toàn bộ giá trị căn nhà, không tranh chấp hay yêu cầu phân chia đối với giá trị công trình xây dựng trên đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Thanh T2: Có đơn xin vắng mặt và không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Công T4 trình bày: Phần đất tại vị trí khu A theo Mảnh trích đo địa chính thuộc thửa 111, tờ bản đồ số 15, loại đất ODT, tọa lạc tại khu phố E, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An do ông đứng tên sổ mục kê nhưng ông đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Kim T5 từ năm 1990, việc chuyển nhượng đã thực hiện xong và từ đó đến nay bà T5 và gia đình trực tiếp quản lý, sử dụng, ông không còn liên quan và không còn quyền gì đối với phần đất này nữa. Việc các đồng thừa kế của bà T5 tranh chấp về thừa kế không liên quan gì đến ông. Do đó, ông đề nghị Toà án không xác định và triệu tập ông là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Trường hợp Toà án vẫn xác định ông là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì ông xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết tại Toà án các cấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C1: Việc công chứng đối với di chúc ngày 13/10/2014 là phù hợp quy định pháp luật và đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện B: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị trấn B trình bày tại Văn bản số 258/UBND-VP ngày 05/3/2024: Diện tích 101,8m² tại vị trí khu A theo mảnh trích đo bản đồ địa chính số 216-2023 ngày 20/10/2023 do ông Phan Công T4 đứng tên trên sổ mục kê nhưng đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Kim T5 từ năm 1990, bà T5 quản lý, sử dụng cho đến khi chết, hiện nay con của bà T5 là ông Nguyễn Đăng K đang quản lý, sử dụng. Ủy ban nhân dân thị trấn B không tiếp nhận tranh chấp nào đối với phần đất này. Các đồng thừa kế của bà T5 đang tranh chấp về thừa kế tại Toà án, trường hợp Toà án giải quyết tranh chấp thì khu A có đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ cho cá nhân. Đối với khu B và khu C là đất UBQ, không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ cho cá nhân. Ủy ban nhân dân thị trấn B xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Toà án các cấp.

Tại phiên tòa, bà V, bà T và ông K đều thống nhất xác định phần đất 101,8m² tại vị trí khu A theo mảnh trích đo địa chính là di sản thừa kế của cha mẹ để lại và đồng ý phân chia thừa kế làm 3 phần bằng nhau, thống nhất giao tài sản cho ông K được quản lý sử dụng và ông K thối hoàn giá trị chênh lệch cho bà V

và bà T. Các đương sự không thống nhất được về thời hạn thanh toán tiền, ông K đề nghị thối hoàn giá trị chênh lệch trong thời gian 02 năm nhưng không được bà V và bà T đồng ý.

Các đương sự thống nhất cam kết ngoài những chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, thì không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác tại thời điểm hiện tại cho đến khi Tòa án xét xử ở các cấp. Đồng thời, cũng không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm những người khác tham gia tố tụng trong vụ án này.

Các đương sự thống nhất với M trích đo địa chính số 216-2023 do Công ty TNHH Đ vẽ ngày 20/10/2023 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B duyệt ngày 20/10/2023, Thống nhất chứng thư thẩm định giá số 503/07/11/2023/TĐG-LA/BDS ngày 07/11/2023 do Công ty cổ phần P1 thẩm định. Hiện trạng tài sản tranh chấp không thay đổi so với hiện trạng tại biên bản thẩm định tại chỗ ngày 14/4/2023.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Xét về di chúc của cụ T5 lập ngày 13/10/2014 tại Văn phòng C1 định đoạt toàn bộ di sản cho ba con mỗi người một phần bằng nhau sau khi cụ T5 qua đời. Di chúc được lập thành văn bản và được công chứng nên phù hợp về hình thức. Tuy nhiên, nguồn gốc thửa đất 111 là do cụ T5 nhận chuyển nhượng trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản chung vợ chồng cụ K1 và cụ T5. Năm 2007 cụ K1 chết chưa phân chia thừa kế nhưng di chúc cụ T5 định đoạt toàn bộ tài sản là vô hiệu một phần. Tuy nhiên, các đương sự đều thống nhất được về thời điểm chết, nhân thân và di sản thừa kế của cụ K1 và cụ T5. Cha mẹ của cụ K1 chết trước cụ K1 nên việc phân chia thừa kế theo pháp luật cũng không làm phát sinh thêm người thừa kế mới nên việc phân chia thừa kế theo pháp luật hay theo di chúc thì kết quả cũng là chia cho 3 người con của các cụ là bà V, bà T và ông K.

Tại phiên tòa, các đương sự cũng thống nhất xác định phần đất 101,8m² tại vị trí khu A theo mảnh trích đo địa chính là di sản thừa kế chưa phân chia và thống nhất phân chia cho bà V, bà T, ông K mỗi người 1/3 di sản, đồng ý chia cho ông K bằng hiện vật và ông K thối hoàn giá trị chênh lệch cho bà V và bà T. Đối với công trình xây dựng trên đất các đương sự thống nhất xác định ông K có tu bổ, sửa chữa và đồng ý để ông K được hưởng toàn bộ giá trị công trình xây dựng, đây không phải là di sản thừa kế nên không yêu cầu phân chia thừa kế. Đây là sự tự nguyện của các đương sự nên là tình tiết không phải chứng minh và đề nghị Tòa án ghi nhận.

Việc ông K đề nghị được thôi hoàn giá trị chênh lệch cho bà V và bà T trong thời hạn 02 năm nhưng không được bà V và bà T chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án, ông K trình bày ông có trả nợ cho cụ T5 khoản tiền 100.000.000 đồng nhưng không có đơn yêu cầu phản tố và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến khoản nợ trên nên không xem xét.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của bà V và bà T.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Cẩm V và bà Nguyễn Thị Lam T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Đăng K phân chia thừa kế. Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Tranh chấp thừa kế*", thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

[2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C1, ông Phan Công T4, bà Trần Thị Thanh T6, Ủy ban nhân dân huyện B, Ủy ban nhân dân thị trấn B có yêu cầu vắng mặt; Căn cứ vào Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt những người này.

[3] Bà Nguyễn Thị Cẩm V thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu khởi kiện về việc phân chia thừa kế đối với công trình xây dựng trên thửa đất 111. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về phạm vi khởi kiện: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà V yêu cầu công nhận diện tích đo đạc thực tế 101,8m² tại vị trí khu A theo mảnh trích đo địa chính thuộc thửa đất 111, tờ bản đồ số 15, loại đất ODT, tọa lạc tại khu phố E, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An là thuộc quyền sử dụng của Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Đăng K, Nguyễn Thị Lam T (là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị Kim T5 và cụ Nguyễn Văn K1). Đồng thời, nguyên đơn bà V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T xác định yêu cầu phân chia di sản thừa kế đối với quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 101,8m² tại vị trí khu A theo mảnh trích đo địa chính. Bị đơn không có yêu cầu phản tố. Căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án chỉ xem xét trong phạm vi khởi kiện của bà V, bà T, ngoài các yêu cầu này Tòa án sẽ không xem xét giải quyết.

Về nội dung: Xét yêu cầu phân chia di sản thừa kế của bà V và bà T thấy rằng:

[5] Về thời điểm mở thừa kế và hàng thừa kế: Các đương sự đều thống nhất cụ Nguyễn Văn K1 (chết năm 2007), cụ Nguyễn Thị Kim T5 (chết năm 2016, có tất cả 03 người con gồm: Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Thị Lam T, Nguyễn Đăng K. Cụ K1 có cha là Nguyễn Văn N chết năm 1988, có mẹ là Nguyễn Thị B1 chết năm 2001; cụ T5 có cha là Nguyễn Văn C chết trước năm 1975, mẹ là Võ Thị B2 chết năm 1975. Ngoài ra, cụ K1 và cụ T5 không còn con ngoài giá thú hay con nuôi nào khác. Theo Điều 611, 651, 652 Bộ luật Dân sự thì thời điểm mở thừa kế của cụ K1 là 2007, hàng thừa kế của cụ K1 gồm 4 người là cụ T5 và 03 người con; cụ T5 năm 2016, người thừa kế là 03 người con gồm: Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Thị Lam T, Nguyễn Đăng K.

[6] Các đương sự đều thống nhất phần đất diện tích đo đạc thực tế 101,8m² tại vị trí khu A theo mảnh trích đo địa chính thuộc thửa đất 111, tờ bản đồ số 15, loại đất ODT, tọa lạc tại khu phố E, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An có nguồn gốc do cụ Nguyễn Thị Kim T5 nhận chuyển nhượng của ông Phan Công T4 từ năm 1990 và sử dụng ổn định từ đó đến nay nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc nhận chuyển nhượng đất được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân của cụ K1 và cụ T5. Theo cung cấp thông tin của UBND thị trấn B thì trường hợp Tòa án giải quyết tranh chấp thì khu A có đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ cho cá nhân nên có cơ sở xác định đây là tài sản chung của vợ chồng cụ K1 và cụ T5.

[7] Cụ T5 lập di chúc ngày 13/10/2014 được Văn phòng C1 có nội dung: Bà là chủ sử dụng một phần thửa 111, tờ bản đồ số 15, loại đất ODT (bao gồm căn nhà cấp 4 được xây dựng trên đất) tọa lạc tại số A P, sau khi bà qua đời giao cho 03 người con ruột mỗi người một phần bằng nhau nếu bà là người có quyền sở hữu, quyền sử dụng. Di chúc được lập thành văn bản và được công chứng nên phù hợp về hình thức theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, thửa đất 111 là tài sản chung vợ chồng cụ K1 và cụ T5. Năm 2007 cụ K1 chết chưa phân chia thừa kế nhưng di chúc cụ T5 định đoạt toàn bộ tài sản là vô hiệu một phần. Tuy nhiên, tại phiên tòa, các đương sự cũng thống nhất xác định phần đất 101,8m² tại vị trí khu A theo mảnh trích đo địa chính là di sản thừa kế của cha mẹ chưa phân chia và thống nhất phân chia cho bà V, bà T, ông K mỗi người 1/3 di sản, đồng ý chia cho ông K bằng hiện vật và ông K thôi hoàn giá trị chênh lệch cho bà V và bà T. Đối với công trình xây dựng trên đất các đương sự thống nhất xác định ông K có tu bổ, sửa chữa và đồng ý để ông K được hưởng toàn bộ giá trị công trình xây dựng, không phải là di sản thừa kế. Việc các đương sự thỏa thuận phân chia thừa kế là tự nguyện, không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội nên được ghi nhận.

[8] Theo Chứng thư thẩm định giá thì quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế là 101,8m² tại vị trí khu A theo mảnh trích đo địa chính thuộc thửa đất 111, tờ bản đồ số 15, loại đất ODT, tọa lạc tại khu phố E, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An có đơn giá là 24.050.000 đồng/m², tổng giá trị di sản thừa kế là 2.448.290.000 đồng. Theo sự thống nhất của các đương sự phân chia di sản làm 3 phần nên bà V, bà T, ông K mỗi người được hưởng là 816.096.667 đồng. Ông

K được phân chia bằng hiện vật nên có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà V và bà T mỗi người 816.096.667 đồng kỷ phần mà họ được hưởng.

[9] Ông K đề nghị hoàn trả giá trị kỷ phần cho bà V và bà T trong thời hạn 2 năm (chậm nhất là tháng 3/2026) nhưng không được bà V, bà T đồng ý. Vấn đề thỏa thuận về thời gian trả các bên đương sự có thể thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án, không thuộc thẩm quyền của Tòa án nên Tòa án không xem xét.

[10] Quá trình giải quyết vụ án, ông K cho rằng ông có trả nợ thay cho bà T5. Tuy nhiên, Tòa án đã ra văn bản yêu cầu cung cấp chứng cứ, tổng đạt cho ông K theo đúng quy định nhưng ông K không có yêu cầu phản tố, cung cấp được chứng cứ gì nên Tòa án không xem xét vấn đề này.

[11] Về chi phí tố tụng: 21.200.000 đồng chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ. Bà V, ông K, bà T phải chịu 1/3 chi phí này. Bà V đã tạm ứng nên ông K, bà T mỗi người phải hoàn trả cho bà V 7.066.667 đồng.

[12] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 26, 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà V, bà T, ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị kỷ phần được chia 816.096.667 đồng là 36.483.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 1 Điều 228, Điều 244 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 609, 611, 612, 613, 614, 620, 649, 650, 651, 652, 660 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 167, 188, 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ các Điều 26, 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lam T đối với bị đơn ông Nguyễn Đăng K về tranh chấp phân chia thừa kế.

2. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn K1 và cụ Nguyễn Thị Kim T5 là quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 101,8m² tại vị trí khu A theo mảnh trích đo địa chính thuộc một phần thửa đất 111, tờ bản đồ số 15, loại đất ODT, tọa lạc tại khu phố E, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

3. Chia cho ông Nguyễn Đăng K được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất đo đạc thực tế 101,8m² tại vị trí khu A theo mảnh trích đo địa chính thuộc thửa đất 111, tờ bản đồ số 15, loại đất ODT, tọa lạc tại khu phố E, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

4. Ông Nguyễn Đăng K có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm V và bà Nguyễn Thị Lam T mỗi người 816.096.667 đồng.

(Vị trí, tứ cận, tờ bản đồ, diện tích, loại đất, tài sản nêu trên theo Mảnh trích đo địa chính số 216-2023 do Công ty TNHH Đ1 đo vẽ ngày 20/10/2023 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B duyệt ngày 20/10/2023).

5. Ông Nguyễn Đăng K được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với di sản thừa kế nêu trên theo quy định của pháp luật về đất đai.

6. Cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

7. Về chi phí tố tụng: 21.200.000 đồng chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ. Bà V, ông K, bà T mỗi người phải chịu 1/3 chi phí. Bà V đã tạm ứng nên ông K, bà T mỗi người phải nộp để hoàn trả cho bà V số tiền 7.066.667 đồng.

8. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

9. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Cẩm V, bà Nguyễn Thị Lam T, ông Nguyễn Đăng K mỗi người phải chịu 36.483.000 đồng (Ba mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 5.300.000 đồng (Năm triệu ba trăm nghìn đồng) bà V đã nộp theo biên lai thu số 0009677 ngày 28/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức. Bà V còn phải nộp tiếp 31.183.000 đồng (Ba mươi một triệu một trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) bà T đã nộp theo biên lai thu số 0006760 ngày 22/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức. Bà T còn phải nộp tiếp 31.483.000 đồng (Ba mươi một triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng).

10. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

11. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Bến Lức.
- CCTHADS huyện Bến Lức.
- Các đương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Thị Miên